

C.TY CỔ PHẦN DỆT HÀ ĐÔNG



HANOSIMEX

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT HÀ ĐÔNG
HANOSIMEX

Hà Nội, tháng 4 năm 2017.

MỤC LỤC

	TRANG
PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Định nghĩa	5
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, TƯ CÁCH PHÁP NHÂN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh và thời hạn hoạt động và tư cách pháp nhân của Công ty	6
A. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh và thời gian hoạt động của Công ty	6
B. Tư cách pháp nhân	6
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 3. Mục tiêu của Công ty	7
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	7
Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và quản trị điều hành Công ty	8
Điều 6. Quyền của Công ty	8
Điều 7. Nghĩa vụ của Công ty	8
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	9
Điều 8. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	9
Điều 9. Cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông	10
Điều 10. Chào bán cổ phần, bán cổ phần và chuyển nhượng cổ phần	11
A. Chào bán cổ phần	11
B. Bán cổ phần	11
C. Chuyển nhượng cổ phần	12
Điều 11. Mua lại cổ phần	12
A. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	12
B. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty	12
Điều 12. Thu hồi cổ phần	13
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	14
Điều 13. Cơ cấu tổ chức quản lý	14
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	14
Điều 14. Quyền của cổ đông phổ thông	14
1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây	14
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau đây	14
Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông	15
Điều 16. Quyền, nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông và Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	15

	A. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	16
	B. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 17.	Thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 18.	Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 19.	Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông, mời họp Đại hội đồng cổ đông	19
	A. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	19
	B. Mời họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 20.	Họp Đại hội đồng cổ đông	20
	A. Điều kiện để tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	20
	B. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	20
	C. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	21
	D. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua	22
	E. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23
	F. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	24
	G. Hiệu lực các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	25
	CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	26
Điều 21.	Quy định chung về Hội đồng quản trị	26
	A. Hội đồng quản trị, số lượng thành viên và nhiệm kỳ	26
	B. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 22.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên	26
Điều 23.	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	27
Điều 24.	Chủ tịch Hội đồng quản trị	28
Điều 25.	Cuộc họp và Biên bản họp của Hội đồng quản trị	29
	A. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	29
	B. Biên bản họp Hội đồng quản trị	30
	CHƯƠNG VIII. BAN GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY TỔ CHỨC QUẢN LÝ	31
Điều 26.	Tổ chức bộ máy quản lý	31
Điều 27.	Tổng Giám đốc	31
Điều 28.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	32
	CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	33
Điều 29.	Ban kiểm soát, quyền hạn và nghĩa vụ	33
	A. Số lượng thành viên, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát	33
	B. Tiêu chuẩn của Kiểm soát viên	34
	C. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	34
	D. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	35
	E. Trưởng Ban kiểm soát	35
	F. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên	36

G. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	36
CHƯƠNG X. QUY ĐỊNH CHUNG ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY	36
Điều 30. Trách nhiệm của người quản lý Công ty	36
Điều 31. Lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị và hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận	37
A. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc	37
B. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận	37
C. Công khai các lợi ích liên quan	38
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CỦA CÔNG TY	39
Điều 32. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	39
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ	40
Điều 33. Công nhân viên và đoàn thể	40
CHƯƠNG XIII. CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	40
Điều 34. Tài khoản ngân hàng	40
Điều 35. Năm tài chính	40
Điều 36. Hệ thống kế toán	41
Điều 37. Trình báo cáo hàng năm và công khai thông tin về Công ty	41
A. Trình báo cáo hàng năm	41
B. Công khai thông tin về Công ty	41
C. Kiểm toán	42
Điều 38. Trích lập các quỹ	42
Điều 39. Phân chia cổ tức	43
CHƯƠNG XIV. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	44
Điều 40. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Giải quyết tranh chấp nội bộ	44
A. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc	44
B. Giải quyết tranh chấp nội bộ	45
CHƯƠNG XV. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	45
Điều 41. Chấm dứt hoạt động	45
Điều 42. Ban thanh lý	45
CHƯƠNG XVI. HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ & CÁC QUY ĐỊNH KHÁC	46
Điều 43. Con dấu	46
Điều 44. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	46
Điều 45. Ngày hiệu lực	47
Điều 46. Điều khoản cuối	47

19/

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

--- ❧ ☐ ❧ ---

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT HÀ ĐÔNG HANOSIMEX

Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex được xây dựng theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 16/11/2014, có hiệu lực từ 01/7/2015.

Điều lệ, các quy định, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex.

Điều lệ này được sửa đổi và thông qua hợp lệ tại Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex ngày 16/4/2011 và ngày 29/4/2012; những nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Điều lệ được thông qua bằng lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 21/10/2014 và Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 15/4/2017.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Định nghĩa

Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. **Công ty:** là Công ty cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex;
- b. **Công ty mẹ:** Là Tổng Công ty Cổ phần Dệt – May Hà Nội
- c. **Vốn điều lệ:** là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán được ghi trong Điều lệ Công ty;
- d. **Cổ phiếu:** là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty;
- e. **Cổ đông:** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- f. **Cổ đông sáng lập:** là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của Công ty;
- g. **Cổ tức:** là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;
- h. **Ngày thành lập:** là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
- i. **Cán bộ quản lý:** bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- j. **Luật Doanh nghiệp:** là Luật đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2015;

- k. **Pháp luật:** là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 2 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành ngày 03/06/2008;

- l. **Người có liên quan:** là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
- m. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản quy phạm pháp luật khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, TƯ CÁCH PHÁP NHÂN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh và thời hạn hoạt động và tư cách pháp nhân của Công ty

A. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh và thời gian hoạt động của Công ty:

1. Tên gọi:

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT HÀ ĐÔNG HANOSIMEX

- Tên tiếng Anh: HANOSIMEX HADONG TEXTILE JOINT STOCK COMPANY

- Tên viết tắt: HANOSIMEX – HDT

2. Công ty: là một Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Nhà máy Dệt Hà Đông - Đơn vị thành viên của Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hà Nội theo quyết định số: 2628/QĐ-BCN ngày 17 tháng 8 năm 2005 của Bộ Công nghiệp.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

Địa chỉ: Lô 2, 3, 4 Khu Công nghiệp Đồng Văn II, xã Bạch Thượng, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Điện thoại:

Website: <http://dethadong.vn>

4. Chi nhánh, đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện của Công ty: Công ty có thể thành lập Chi nhánh, đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện trên lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài (nếu cần thiết) để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Tổng Giám đốc là đại diện pháp luật của Công ty.

6. Thời gian hoạt động: Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 1 Điều 41 của Điều lệ này, thời gian hoạt động của Công ty là không xác định thời hạn kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

B. Tư cách pháp nhân:

1. Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam;
2. Công ty chỉ có một con dấu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu. Nội dung của con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:
 - + Tên doanh nghiệp;
 - + Mã số doanh nghiệp.
3. Công ty được độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
4. Tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh, được hạch toán độc lập và tự chủ về tài chính theo quy định của Pháp luật;
5. Được lập các quỹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3: Mục tiêu, ngành nghề kinh doanh của Công ty

1. Các ngành nghề kinh doanh của Công ty:
 - a. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê văn phòng – mã ngành 6810;
 - b. Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp loại khác – mã ngành 4719. Chi tiết: Kinh doanh siêu thị;
 - c. Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động – mã ngành 5610. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng;
 - d. Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu – mã ngành 9329 Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí;
 - e. Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu – mã ngành 1329 Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh, gia công các sản phẩm dệt may;
 - f. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu – mã ngành – 8299. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
2. Mục tiêu của Công ty: Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong quá trình phát triển sản xuất - kinh doanh trong các lĩnh vực trên, trong đó ngành Dệt May là then chốt, nhằm đạt mức lợi nhuận cao nhất, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

Điều 4: Phạm vi hoạt động kinh doanh

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của

pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty;

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

3. Đầu tư và quản lý các khoản đầu tư ở các Công ty con và các khoản đầu tư khác theo quy định của pháp luật;

4. Thực hiện việc mua bán, thuê, cho thuê hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp; tham gia điều hành, quản lý các doanh nghiệp khác nếu thấy cần thiết cho sự hợp tác, cùng có lợi cho sự phát triển của các bên.

Điều 5: Nguyên tắc tổ chức và quản trị điều hành Công ty

1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật;

2. Kinh doanh trung thực, đúng ngành nghề đăng ký, có kỹ năng, tận tụy, có tinh thần trách nhiệm;

3. Đảm bảo có quy chế tổ chức nội bộ chặt chẽ, tránh xung đột lợi ích giữa Công ty và nhân viên Công ty, giữa Hội đồng quản trị và các cổ đông, giữa các cổ đông với nhau. Tổ chức và thực hiện công tác kiểm soát nội bộ đảm bảo hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật;

Điều 6: Quyền của Công ty

1. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty;

2. Chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức hoạt động sản xuất - kinh doanh, địa bàn hoạt động, liên doanh, góp vốn vào các doanh nghiệp khác, chủ động mở rộng quy mô và loại hình kinh doanh;

3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng;

4. Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn;

5. Tuyển dụng lao động theo yêu cầu sản xuất, kinh doanh;

6. Tự chủ kinh doanh, áp dụng các phương pháp quản lý khoa học để nâng cao hiệu quả quản lý và tăng tính cạnh tranh;

7. Từ chối các yêu cầu cung cấp nguồn lực nào không được pháp luật quy định, trừ nghĩa vụ đóng góp vì mục đích nhân đạo, công ích;

8. Các quyền khác do pháp luật và Điều lệ này quy định.

Điều 7: Nghĩa vụ của Công ty

1. Hoạt động sản xuất - kinh doanh theo đúng ngành nghề đăng ký.

2. Lập sổ kế toán, ghi chép sổ kế toán, hóa đơn chứng từ và lập báo cáo tài chính trung thực, chính xác;

3. Đăng ký, kê khai và nộp thuế cùng các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

4. Thực hiện kê khai báo cáo:

a. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động, báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật liên quan.

b. Kế khai báo cáo tài chính hàng năm với cơ quan thuế và cổ đông Công ty.

5. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định về pháp luật lao động; tôn trọng quyền của Tổ chức công đoàn;

6. Tuân thủ các quy định về quốc phòng, an ninh, trật tự xã hội;

7. Các nghĩa vụ khác do pháp luật và Điều lệ này quy định.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 8: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Các cổ phần được phát hành của Công ty đến ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông được bán với giá ưu đãi cho người lao động, cổ phần phổ thông do Nhà nước nắm giữ; cổ phần phổ thông bán đấu giá, cổ phần phổ thông ưu đãi từ cổ tức. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 14, Điều 15 của Điều lệ này;

2. Vào ngày Điều lệ này được thông qua, vốn điều lệ của Công ty là 19.500.000.000 VND (Mười chín tỷ năm trăm ngàn đồng chẵn). Tổng vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.950.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty có thể thay đổi trong các trường hợp sau:

a. Giảm vốn điều lệ:

+ Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty nếu Công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp; đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;

+ Công ty mua lại cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 11 của Điều lệ này và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

b. Tăng vốn điều lệ:

+ Là việc Công ty phát hành thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ;

+ Các trường hợp khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

3. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, ngoài cổ phần phổ thông, Công ty có quyền phát hành cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại, cổ phần ưu đãi biểu quyết và các loại cổ phần ưu đãi khác theo quy định của pháp luật.

(Chữ ký)

4. Cổ đông sáng lập: trong ba năm đầu kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán; cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập có thể chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó.

5. Cổ phần được quyền chào bán của Công ty là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn. Cổ phần chưa bán là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán.

6. Khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty có quyền phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền và các loại trái phiếu phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán. Việc phát hành trái phiếu phải thực hiện theo quy định tại Điều 127 Luật Doanh nghiệp 2014.

Điều 9: Cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông

1. Cổ đông của Công ty được cấp một hay nhiều cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần mà cổ đông đó sở hữu. Cổ phiếu của Công ty còn được gọi là Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần. Cổ phiếu có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
- e) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
- f) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty (nếu có);
- g) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
- h) Các nội dung khác đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi (nếu có) theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2. Trường hợp người sở hữu cổ phần do nhận chuyển nhượng cổ phần của cổ đông Công ty hoặc mua cổ phần chào bán của Công ty thì trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ số cổ phần đã đăng ký mua (trong trường hợp mua cổ phần chào bán của Công ty); hoặc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Công ty xác nhận việc chuyển nhượng (trong trường hợp chuyển nhượng cổ phần), người sở hữu cổ phần sẽ được ghi tên vào trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

3. Trường hợp cổ phiếu bị hư hỏng, bị hủy hoại, bị mất hoặc bị tiêu hủy thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông. Đề nghị của cổ đông

phải theo mẫu của Công ty và phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên 10.000.000 đồng, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty phải yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới. Cổ đông phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu và các khoản chi phí cần thiết do Hội đồng quản trị quy định.

4. **Sổ đăng ký cổ đông:** Công ty lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể bằng văn bản hoặc tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này và phải có đủ các nội dung chủ yếu sau: tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch; số Thẻ căn cước công dân; Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần; mã số riêng cho từng cổ đông.

5. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán, cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 10: Chào bán cổ phần, bán cổ phần và chuyển nhượng cổ phần

A. Chào bán cổ phần:

1. Việc chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

- Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;
- Chào bán ra công chúng;
- Chào bán cổ phần riêng lẻ.

2. Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của Công ty cổ phần niêm yết và đại chúng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

B. Bán cổ phần:

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị

được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

- a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
- b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
- c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

C. Chuyển nhượng cổ phần:

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp quy định tại khoản 3 mục C Điều này, Điều 8.4 của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật. Việc hạn chế chuyển nhượng phải được ghi rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo quy chế của Hội đồng quản trị hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán;

2. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trong trường hợp này, người được tặng, cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty;

3. Cổ phần thuộc sở hữu của các thành viên Hội đồng quản trị trong thời gian đương nhiệm không được phép chuyển nhượng;

4. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại khoản 1, 2 mục C Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 4 Điều 9 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông. Trường hợp cổ đông chỉ chuyển nhượng, tặng cho hoặc dùng để trả nợ một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng, tặng cho hoặc dùng để trả nợ và số cổ phần còn lại;

5. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự; Cổ phần của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban giám đốc, ban kiểm soát cũng được thừa kế nhưng người nhận thừa kế chỉ thừa kế quyền sở hữu cổ phần, không thể đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát.

Điều 11: Mua lại cổ phần

A. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa

chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này;

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 mục A Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

B. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty:

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ Công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 12: Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu

19

cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty;

2. Thông báo nêu trên phải đưa ra một thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và phải nêu rõ ràng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ phải thu hồi;

3. Một cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác cho người mà trước thời điểm cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp đã từng nắm giữ cổ phần đó hoặc cho bất kỳ người nào khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp;

4. Cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp được coi là cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã nắm giữ cổ phần bị thu hồi, giao nộp hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức do Hội đồng quản trị quyết định;

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp phải thanh toán cho Công ty và tiền lãi theo Quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định cường chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp;

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 13: Cơ cấu tổ chức quản lý

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Tổng Giám đốc;
- d. Ban kiểm soát.

2. Công ty chỉ có một người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc Công ty.

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 14: Quyền của cổ đông phổ thông

1. Qui định chung về cổ đông:

a. Cổ đông của Công ty là những pháp nhân hoặc cá nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của công ty có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số cổ phần mà họ nắm giữ.

b. Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho người khác có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại công ty.

c. Việc ủy quyền nêu trên phải thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị của công ty.

d. Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một đại diện theo qui định của pháp luật, trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của nhóm cổ đông này bằng văn bản.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền, hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ Công ty quy định; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d. Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 8, khoản 3 Mục C Điều 10 và điểm i khoản 1 Điều này.

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty.

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong trường hợp quy định tại Mục A Điều 11 của Điều lệ này.

i) Ngoài các quyền của cổ đông phổ thông, cổ đông chiến lược còn có các quyền khác của cổ đông chiến lược quy định tại Hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau đây:

a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

c. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau:

- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

- Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

đ. Các quyền khác theo quy định của Luật này và Điều lệ Công ty.

Điều 15: Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty. Chấp hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

2. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Tự chịu trách nhiệm về nguồn gốc số vốn góp vào Công ty;

3. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;

4. Cung cấp thông tin chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

5. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Điều lệ hoặc pháp luật có liên quan, thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác do pháp luật quy định.

Điều 16: Quyền, nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông và Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

A. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty;

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- f. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- g. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- h. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- i. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

B. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên ít nhất mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định Điều 21 và Điều 29 của Điều lệ này;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 14 của Điều lệ này;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b hoặc điểm c hoặc điểm d khoản 3 mục B Điều này;
5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty, tùy theo mức độ vi phạm;

Handwritten signature

6. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 mục B Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

7. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 mục B Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến Danh sách cổ đông;
- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ. Dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- e. Xác định thời gian và địa điểm họp;
- f. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp;
- g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

9. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5, 6 mục B của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Điều 17: Thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

1. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
2. Báo cáo tài chính hằng năm;
3. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
4. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
5. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
6. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
7. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

Điều 18: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

19

1. Đại biểu đương nhiên tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty dựa trên Danh sách cổ đông có quyền dự họp hoặc người được cổ đông ủy quyền bằng văn bản theo mẫu của Công ty;

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập xong chậm nhất là 07 ngày, trước ngày gửi Giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;

3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông;

4. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định quy định tại Khoản 4 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại Khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông;

5. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp;

6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong Danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác;

7. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

8. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu

trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 32 Điều lệ này.

Điều 19: Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông, mời họp Đại hội đồng cổ đông

A. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp, dự thảo Nghị quyết đối với các vấn đề trong chương trình họp;
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 14 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 mục A Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 2 Mục A Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Mục A Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

B. Mời họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian và địa điểm họp, những yêu cầu khác đối với người dự họp;
2. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và đăng báo hàng ngày trung ương hoặc địa phương, nếu xét thấy cần thiết;
3. Thông báo mời họp phải gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - b. Phiếu biểu quyết;

c. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

4. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo Thông báo mời họp quy định tại khoản 3 mục B Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp này, Thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

Điều 20: Hợp Đại hội đồng cổ đông

A. Điều kiện để tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết;

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 mục A Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo Thông báo mời họp theo quy định tại điểm a khoản 3 mục B Điều 19 của Điều lệ này.

B. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông;

2. Bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số thành viên Hội đồng quản trị còn lại hoặc những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành Nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay sau khi việc biểu quyết được tiến hành;

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp các trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Mục B Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các Nghị quyết, Quyết định được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

C. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề sau đây:

1. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
2. Định hướng phát triển Công ty;
3. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
5. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
7. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

D. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua:

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- f. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- g. Các vấn đề khác được quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

2. Các Nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 mục D Điều này;

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại khoản 2 mục A Điều 21, mục A Điều 29 của Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Công ty.

4. Trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết tán thành;

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi Nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

E. Thăm quyền và thể thức lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Thăm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện như sau:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập Danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Điều lệ. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 4 mục B Điều 19 của Điều lệ này;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục Danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi Biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo Phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

F. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;

- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

2. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

4. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu có).

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo Thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

G. Hiệu lực các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

1. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại Nghị quyết đó;

2. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua Nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 mục G Điều này, thì các Nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 14 của Điều lệ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc

Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định tại Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 mục G Điều này;

b. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Quy định chung về Hội đồng quản trị

A. Hội đồng quản trị, số lượng thành viên và nhiệm kỳ:

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Số lượng thành viên: Hội đồng quản trị có năm thành viên.

3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

5. Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tục trở lên có quyền gộp số cổ phần có quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử thành viên Hội đồng quản trị. Nếu như tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ chiếm trong khoảng từ 10% đến dưới 30% thì họ được quyền đề cử 01 thành viên để bầu vào Hội đồng quản trị; Từ 30% đến dưới 50% thì được đề cử 2 thành viên; nếu từ 50% đến 70% thì họ được đề cử 3 thành viên và nếu từ 70% trở lên thì họ được đề cử 4 thành viên.

B. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 22 của Điều lệ;

b. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Handwritten signature

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Khoản 2 Mục A Điều này. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba. Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 22: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên

Thành viên Hội đồng quản trị phải có ít nhất các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
2. Không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
3. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty; có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành quản lý Công ty.
5. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật

Điều 23: Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
3. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
4. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
5. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Mục B Điều 11 của Điều lệ này;
6. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
8. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm d khoản 2 mục A Điều 16 và Khoản 1, 2 Mục B Điều 31 của Điều lệ này;

9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.

10. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

11. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc của Công ty và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

12. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

13. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

14. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

15. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;

16. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

17. Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ quy định. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết.

Điều 24: Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch theo nguyên tắc đa số. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng giám đốc Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;

f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

140

3. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các Biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

e. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

f. Quyền và nghĩa vụ khác theo của pháp luật có liên quan.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 25: Cuộc họp và Biên bản họp của Hội đồng quản trị

A. Cuộc họp của Hội đồng quản trị:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập (nếu có);

b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 10 Mục A Điều này.
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được trên 50% số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

B. Biên bản họp Hội đồng quản trị:

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

c. Thời gian, địa điểm họp;

d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h. Các vấn đề đã được thông qua;

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

CHƯƠNG VIII

BAN GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 26. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Bộ máy tổ chức của Công ty bao gồm: Khối văn phòng Công ty, các bộ phận sản xuất. Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận trong Công ty thực hiện theo quy chế phân cấp quản lý của Công ty.

2. Bộ máy điều hành Công ty gồm có:

a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc; phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc giới thiệu các chức danh điều hành các phòng ban trình Hội đồng quản trị phê duyệt để Tổng Giám đốc ký quyết định bổ nhiệm. Các chức danh quản lý có thể đồng thời cùng là thành viên Hội đồng quản trị.

b. Tổng Giám đốc là người điều hành Công ty, trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý, điều hành toàn diện các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của Công ty, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Công ty và thi hành các quyết định của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

c. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các phó Tổng Giám đốc thực hiện điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng Giám đốc và pháp luật về các phần việc được phân công hoặc uỷ quyền. Phó Tổng Giám đốc có thể kiêm nhiệm phụ trách các bộ phận hoặc đơn vị trực thuộc.

Điều 27. Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc bao gồm:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;

c. Tốt nghiệp Đại học.

3. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

4. Hội đồng quản trị có quyền bãi nhiệm Tổng giám đốc với ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Tổng giám đốc trong trường hợp này). Bổ nhiệm Tổng giám đốc trên cơ sở bầu theo nguyên tắc đa số.

5. Tổng Giám đốc Công ty có thể uỷ quyền cho các phó Tổng Giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý trước việc uỷ quyền của mình. Người được Tổng Giám đốc uỷ quyền phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm và không được uỷ quyền lại cho người khác.

Điều 28. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại

hội đồng cổ đông thông qua. Tuy nhiên Tổng Giám đốc có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Hội đồng quản trị nếu quyết định này trái với pháp luật, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Việc từ chối này phải được làm văn bản gửi cho Hội đồng quản trị.

2. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có Nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh quản lý trong Công ty thuộc thẩm quyền trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.

4. Đề xuất và tư vấn cho Hội đồng quản trị phê duyệt về mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác trong Hợp đồng lao động của các cán bộ quản lý và Tổng Giám đốc ra quyết định thực hiện;

5. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.

6. Quyết định kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực, mức thu nhập, các chế độ và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của người lao động sau khi thông qua Hội đồng quản trị.

7. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch, chương trình hành động và các phương án bảo vệ, cạnh tranh, khai thác nguồn lực của Công ty, các phương án huy động vốn cho Công ty để trình Hội đồng quản trị.

8. Xây dựng và trình duyệt Hội đồng quản trị quy chế quản lý nội bộ Công ty: Quy chế tài chính, các chính sách đầu tư của Công ty nhằm hạn chế rủi ro và phù hợp điều kiện thực tế của Công ty.

9. Trình Hội đồng quản trị kế hoạch đầu tư vào các dự án hợp tác đầu tư với các đối tác trong và ngoài nước bằng nguồn vốn do Công ty quản lý.

10. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt để ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá nguyên liệu vật tư và giá dịch vụ trong nội bộ Công ty.

11. Thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước; lập phương án phân phối, sử dụng số lợi nhuận còn lại của Công ty để trình Hội đồng quản trị.

12. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt cơ cấu tổ chức và phương án thay đổi tổ chức, thành lập hoặc giải thể các đơn vị trực thuộc trong Công ty.

13. Thực hiện phân công và uỷ nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách từng lĩnh vực hoạt động.

14. Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên, đột xuất cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Chuẩn bị đầy đủ các báo cáo theo các nội dung và chương trình mà Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát yêu cầu.

15. Vào ngày 30 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 5 năm.

16. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

17. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý Công ty;

18. Đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường để giải quyết những vấn đề vượt quá quyền hạn Tổng Giám đốc hoặc những biến động lớn trong Công ty.

19. Được đưa ra những quyết định vượt quá thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như: Thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố,... và phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó; đồng thời phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị để giải quyết tiếp.

20. Thực hiện tất cả các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này, các quy chế của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.

CHƯƠNG IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 29. Ban kiểm soát, quyền hạn và nghĩa vụ

A. Số lượng thành viên, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát:

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

B. Tiêu chuẩn của Kiểm soát viên:

Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

3. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

4. Phải là Kiểm toán viên hoặc Kế toán viên.

C. Quyền đề cử ứng viên Ban kiểm soát: Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tục trở lên có quyền gộp số cổ phần có quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử thành viên Ban kiểm soát. Nếu như tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ chiếm trong khoảng từ 10% đến dưới 40% thì họ được quyền đề cử 01 thành viên để bầu vào Ban kiểm soát; Từ 40% đến dưới 70% thì được đề cử 2 thành viên; nếu từ 70% trở lên thì họ được đề cử 3 thành viên.

D. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 14 của Điều lệ;

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 14 của Điều lệ, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định về người quản lý Công ty theo Điều 30 Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.

13. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

E. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các Nghị quyết và Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

G. Trưởng Ban kiểm soát:

1. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a. Lập chương trình kế hoạch hoạt động và điều hành hoạt động của Ban kiểm soát.

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu triệu tập và chủ tọa cuộc họp của Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

d. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này;

H. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên:

Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

I. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Mục B Điều lệ này và Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định tại Điều 168 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - c. Theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG X

QUY ĐỊNH CHUNG ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 30: Trách nhiệm của người quản lý Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:
 - a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c. Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 31: Lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị và hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

A. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc:

1. Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương cho Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

c. Tổng giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

B. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;

c. Doanh nghiệp có lợi ích liên quan quy định tại Khoản 2 Mục C Điều 31 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính, gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại Khoản 2 Mục B Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Mục B Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

C. Công khai các lợi ích liên quan:

Vệc công khai hóa lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp 2014 và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại Khoản 2 Mục C Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi,

bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

d. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Mục C Điều này được thực hiện như sau:

a. Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền yêu cầu bằng văn bản để được xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;

d. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại Điểm c Khoản 4 Mục C Điều này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của Công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CỦA CÔNG TY

Điều 32. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Mọi cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục 6 tháng trở lên đều có quyền trực tiếp gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty: danh sách các cổ đông, các Biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền kiểm tra sổ cổ phiếu của Công ty, Danh sách cổ đông và những danh sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu giữ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính của Công ty:
- i. Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế quản lý nội bộ Công ty; Sổ đăng ký cổ đông;
 - ii. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm;
 - iii. Các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản của Công ty;
 - iv. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát;
 - v. Sổ sách kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;
 - vi. Danh sách người có liên quan và giao dịch của họ với Công ty;
 - vii. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ

Điều 33. Công nhân viên và đoàn thể

1. Tổng Giám đốc sẽ phải lập một kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, quản lý lao động, thu nhập, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động.
2. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam: Tổ chức Đảng hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam;
3. Tổ chức Công đoàn và các Tổ chức chính trị - xã hội khác: Hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quy định của Tổ chức đó nhưng không trái pháp luật.
4. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện cho các Tổ chức trên hoạt động theo đúng Hiến pháp và pháp luật.

CHƯƠNG XIII

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 34. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại Ngân hàng Việt Nam hoặc tại các Ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam. Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài khi cần thiết theo đúng quy định của pháp luật.
2. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 35. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 dương lịch hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch cùng năm.
2. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 36. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống kế toán theo quy định của Pháp luật và chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
2. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 37. Trình báo cáo hàng năm và công khai thông tin về Công ty

A. Trình báo cáo hàng năm:

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm, sáu tháng, báo cáo quý theo quy định của pháp luật. Trường hợp pháp luật yêu cầu phải kiểm toán thì Báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua và việc kiểm toán được thực hiện theo Mục C Điều này.
2. Sau khi Báo cáo tài chính năm Công ty đã được lập hoặc đã được kiểm toán trong trường hợp phải kiểm toán, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các tài liệu dưới đây và Báo cáo tài chính năm để gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước khi khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính năm đã được lập hoặc đã được kiểm toán trong trường hợp phải kiểm toán;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.
3. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và Báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của Công ty chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Mục A Điều này trong thời gian hợp lý.

B. Công khai thông tin về Công ty:

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

2. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả các cổ đông.

3. Mọi tổ chức, cá nhân có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của Công ty tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

4. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình các thông tin sau đây:

a. Điều lệ Công ty;

b. Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Công ty;

c. Báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

5. Trong trường hợp Công ty thỏa mãn điều kiện về Công ty đại chúng, Công ty phải thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

C. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Điều 38. Trích lập các quỹ

1. Theo quy định của pháp luật và quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hàng năm Công ty sẽ trích lập từ lợi nhuận sau thuế vào quỹ dự trữ để bổ sung Vốn điều lệ: mức trích không vượt quá 10% lợi nhuận sau thuế của Công ty và trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn Điều lệ của Công ty.

2. Trích lập các quỹ khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định và theo quy định của Pháp luật.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

Điều 39. Phân chia cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- b. Đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

2. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập Danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

- a. Tên Công ty và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;
- c. Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
- d. Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
- e. Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập Danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

4. Hội đồng quản trị có thể quyết định cho tạm ứng thanh toán cổ tức không quá 80% mức cổ tức mà Hội đồng quản trị dự kiến theo kết quả sản xuất kinh doanh ngay sau khi kết thúc năm tài chính nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

5. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phần đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.

6. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông.

Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 10 của Điều lệ này. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

CHƯƠNG XIV

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 40. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Giải quyết tranh chấp nội bộ

A. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc:

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây:

a. Vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 30 của Điều lệ;

b. Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

d. Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

e. Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

B. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do luật pháp quy định, giữa:

- a. Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty;
- b. Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý.

Thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải; trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp thuận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp ra Tòa án cấp có thẩm quyền để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng buộc các bên tuân theo.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải, các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa án quyết định bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XV CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 41. Chấm dứt hoạt động

Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

1. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty;
2. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
3. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Ban thanh lý

1. Ít nhất sáu (06) tháng trước khi có quyết định giải thể hoặc chấm dứt hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình.

Các thành viên của ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số thành viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả chi phí liên quan đến Ban thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Trường hợp pháp luật có quy định trách nhiệm báo cáo của Ban thanh lý về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động thì thực hiện theo quy định của pháp luật đó.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau :

a. Chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác.

Sau khi thanh toán hết các khoản nợ và chi phí chấm dứt hoạt động, phần còn lại chia cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần, ưu tiên cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi liên quan (nếu có).

4. Trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan

CHƯƠNG XVI

HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ & CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 43. Con dấu

1. Con dấu của Công ty, các Chi nhánh và đơn vị trực thuộc (nếu có) được khắc theo mẫu quy định thống nhất, được đăng ký sử dụng và quản lý con dấu theo đúng yêu cầu của pháp luật;

2. Tất cả các văn bản của Công ty khi phát hành chính thức phải đóng dấu Công ty trên các chữ ký của một trong các chức danh sau: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, phó Tổng Giám đốc hoặc các cán bộ quản lý Công ty được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền. Chữ ký của các chức danh khác trong Công ty không được sử dụng con dấu.

3. Con dấu của Chi nhánh, đơn vị trực thuộc sẽ được sử dụng trên các chữ ký của Trưởng Chi nhánh hoặc đơn vị trực thuộc.

4. Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc quản lý và sử dụng con dấu theo quy định pháp luật.

Điều 44. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 45. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này sẽ có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Điều lệ này chi phối toàn bộ mọi hoạt động của Công ty và mọi thành viên của Công ty có nghĩa vụ thi hành.

Điều 46. Điều khoản cuối

1. Điều lệ này gồm 16 Chương, 46 Điều, đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex thông qua và biểu quyết chấp nhận toàn bộ vào ngày 15 /4/2017, được lập thành 12 bản có giá trị như nhau.
2. Các bản trích hay bản sao phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và đóng dấu Công ty mới có giá trị.

Ngày 15 tháng 4 năm 2017

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC

Dặng Thái Hưng

10/